

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS -
ST

Ngày 24 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn, Bà Lò Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2020/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn T, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản Đ, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lường Văn P và bà Lường Thị D (đã chết); Có vợ là Quàng Thị S và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011).

Tiền án: không, tiền sự: tháng 9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện S áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng.

Nhân thân: ngày 14/5/2015 bị Toà án nhân dân huyện S xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Stừ ngày 13/3/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Cà Văn Q, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản N, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Cà Văn T và bà Quàng Thị P1; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: không, tiền sự: tháng 9/2017 bị Toà án nhân dân huyện S áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S từ ngày 10/01/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Cầm Văn K, sinh năm 1983.

Trú tại: Bản H, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Cầm Văn G và bà Cầm Thị L; Có vợ là Lò Thị Y và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006).

Tiền án: không, tiền sự: tháng 9/2017 bị Toà án nhân dân huyện S áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S từ ngày 10/01/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:

1. Vì Văn B, sinh năm 1986.Trú quán: Bản C, xã M6, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Tòng Văn C, sinh năm 1982.Trú quán: Bản M1, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Lương Văn V, sinh năm 2002. Trú quán: Bản H1, xã Y2, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Vi Văn T1, sinh năm 2000. Trú quán: Bản U, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

5. Hà Văn H, sinh năm 1991. Trú quán: Bản N1, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

6. Lương Văn S, sinh năm 1960. Trú quán: Tổ dân phố 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Hữu T1, sinh năm 1989. Trú quán: Bản H2, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Lò Văn T3, sinh năm 1996. Trú quán: Bản H4, xã H5, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

9. Nông Quốc X, sinh năm 1979. Trú quán: Bản V, xã Y2, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

10. Vạ A C2, sinh năm 1982. Trú quán: Bản A, xã H5, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

11. Lò Thị F, sinh năm 1998. Trú quán: Bản B, xã B3, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

-Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Văn Đ, sinh năm 1993. Trú tại: bản J, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Cầm Văn F2, sinh năm 1981. Trú tại: bản J, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Cà Văn T6, sinh năm 1973. Trú tại: Bản R, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Thị B4. Trú tại: Bản N1, xã N1, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

5. Lường Tùng Q1, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 Cà Văn Q thường sử dụng xe mô tô có BKS26F4-4558 của Q, chở T cùng nhau thực hiện 11 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện S, trong đó Q điều khiển xe, T ngồi sau quan sát khi thấy có xe mô tô thì T xuống trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, còn Q đứng canh giới.Cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 01 giờ ngày 23/10/2019 sau khi T gọi điện thoại cho Q rủ đi tìm xe mô tô để trộm cắp thì Q điều khiển xe mô tô đến chở T đi đến trung tâm xã M6, huyện S, khi đến bản C, M6 thì thấy một xe mô tô loại Dream màu nâu BKS 26B1 – 572.73 của anh Vì Văn B đang dựng trước hiên nhà. T xuống xe đi bộ đến chỗ dựng xe thì thấy chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa xe, T dắt xe ra ngoài đường rồi ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe đi trước, khi đó Q đang đứng canh giới cách đó 20 mét liền đi theo. Cả hai đi đến bản H, M, S, trên đường đi T đã tháo BKS xe vứt đi, rồi mang xe sang nước CHDCND Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 4.000.000đ, T chia cho Q 2.000.000đ.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định xe mô tô 26B1 – 572.73 của anh Vì Văn B trị giá 17.670.000đ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 12 giờ ngày 26/11/2019 sau khi được T gọi điện rủ đi tìm xe mô tô để lấy trộm, Q điều khiển xe mô tô đến chở T đi đến trung tâm xã Mường Lầm, Sông Mã. Khi đi đến bản M1, xã L thì T thấy một xe mô tô loại Wave

AlphaBKS 26B2 – 037.22 của anh Tòng Văn C đang dựng ở dưới gầm sàn nhà, T đi bộ vào chỗ dựng xe thấy chìa khóa vẫn cắm ổ khóa xe, T dắt xe ra cổng rồi ngồi lên xe nổ máy đi trước, khi đó Q đang đứng cạnh giới cách đó 50 mét liền đi theo, trên đường đi T đã tháo BKS của xe ra vứt đi. Sau đó Q và T cùng nhau đem xe đến nhà Cầm Văn K ở bản H, xã M để bán

Thấy xe không có biển số, không có giấy tờ cùng với trước đó Lương Văn T đã hỏi K về chỗ tiêu thụ xe trộm cắp mà có ở bên nước CHDCND Lào nên K biết chiếc xe mô tô T đem đến để bán là xe trộm cắp mà có, nên khi T nói bán giá 5.000.000đ, K đồng ý mua. Do không có tiền để trả ngay nên K bảo Q và T đi cùng sang Lào bán, T và Q nhất trí. K điều khiển xe BKS 26B2 – 037.22 đến nhà một người tên là W ở bản R3, cụm NC, huyện E, tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào bán được 6.000.000đ, K trả cho T 5.000.000đ. T chia cho Q 2.400.000đ số tiền bán xe.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định xe mô tô Wave Alpha hiệu Honda, màu sơn trắng - đen - bạc, BKS 26B2 – 037.22 của anh Tòng Văn C trị giá 12.170.000đ.

Vụ thứ ba:

Khoảng 16 giờ ngày 29/11/2019 sau khi được T gọi điện rủ đi tìm xe mô tô để lấy trộm, Q điều khiển xe mô tô đến chỗ T, đi theo Quốc lộ 12 hướng đến trung tâm xã L, khi đi đến bản T7, L thì nhìn thấy xe mô tô Wave Alpha màu Trắng – Đen, BKS 26B2 – 201.85 của chị Lò Thị F đang dựng trước cửa một ngôi nhà. Q đứng cách đó 50 mét để cạnh giới còn T đi bộ vào dắt xe ra, do không có chìa khóa nên thả xe trôi dốc, khi dừng xe tại cầu Nậm Con thuộc bản T7, L cách nhà chị F khoảng 500m, do không mở được khóa điện xe và thấy xe đã cũ nên T để chiếc xe đó lại ven đường rồi gọi điện thoại cho Q đến đón, Q tiếp tục chở T quay lại theo hướng đến trung tâm xã Y2, S để tìm xe khác lấy trộm.

Kết quả định giá tài sản xác định xe mô tô Wave Alpha hiệu Honda, màu sơn trắng - đen BKS 26B2 – 201.85 của chị Lò Thị F trị giá 14.430.000đ.

Vụ thứ 4:

Ngay sau khi bỏ lại xe của chị F, Q tiếp tục chở T đi đến trung tâm xã Y2, khi đi đến đoạn đường thuộc bản V, Y2 thì T nhìn thấy 01 xe mô tô Wave Alpha màu đỏ - đen BKS 26B2 – 442.56 của Lường Văn V đang dựng trước cửa một ngôi nhà cách đường Quốc lộ 12 khoảng 05 mét. Q đang đứng cạnh giới cách đó khoảng 30 mét, T đi bộ vào lấy xe. Khi tiếp cận xe T thấy chìa khóa cắm ở khóa cốp xe, T rút chìa khóa cắm vào ổ khóa điện rồi dắt xe ra đường Quốc lộ 12, nổ máy và điều khiển xe đến đường biên thuộc bản H1, M, S. Q và T mang xe sang nước CHDCND Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 6.000.000đ, T chia cho Q 3.000.000đ.

Kết quả định giá tài sản xác định xe mô tô Wave Alpha, nhãn hiệu Honda, màu đỏ –đen BKS 26B2 – 442.56 của anh Lường Văn V trị giá 17.580.000đ.

Vụ thứ 5:

Khoảng 15 giờ ngày 04/12/2019 sau khi Q gọi điện thoại rủ T đi tìm xe lấy trộm, thì Q điều khiển xe đến đón T và chở T đi theo hướng UBND xã N1, S. Khi đi đến bản TH, N1 thì T và Q nhìn thấy 01 xe mô tô Wave Alpha BKS 26C1 – 077.07 của anh Vì Văn T1 đang dựng tại lề đường. T nhảy xuống xe và đi bộ đến chỗ để xe, Q đứng cạnh giới cách đó khoảng 05 mét. Khi tiếp cận xe thấy xe không có chìa khoá nên T lấy một chiếc chìa khóa xe Wave Alpha mà T mang theo cắm vào ổ khóa thì mở được khóa xe, nổ được xe T điều khiển xe đi đến bản Huổi, M, Q đi theo sau. Trên đường đi T đã tháo BKS của xe ra vứt. Sau đó cả hai mang xe sang nước CHDCND Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 5.000.000đ, T chia cho Q 2.500.000đ.

Kết quả định giá tài sản xác định chiếc xe Wave Alpha, nhãn hiệu Honda, màu bạc – Đen BKS 26C1 – 077.07 của anh Vì Văn T1 trị giá 13.000.000đ.

Vụ thứ 6:

Khoảng 10 giờ ngày 06/12/2019 sau khi gọi điện thoại rủ T đi tìm xe lấy trộm, Q điều khiển xe mô tô đến chở T đi theo hướng xã C đi xã H, khi đến đoạn đường thuộc bản M9, N1, S thì nhìn thấy xe mô tô Wave Alpha màu xanh – đen – bạc BKS 26C1 – 157.72 của chị Hà Thị B4 cho anh Hà Văn H mượn sử dụng đang dựng trước cổng một ngôi nhà cách đường Quốc lộ 4G khoảng 20 mét, tại

ổ khóa xe có cắm chìa khóa. Sau đó Q điều khiển xe đi qua khoảng 20 mét thì dừng xe cạnh giới, còn T xuống xe đi bộ đến chỗ dừng xe quan sát không thấy ai T ngồi lên xe và nổ máy điều khiển xe đi qua Q, Q điều khiển xe đi sau, trên đường đi T đã tháo BKS của xe ra vứt. Sau đó Q và T đi đến nhà Cầm Văn K để bán xe, T nói rõ với K là xe mô tô là do trộm cắp mà có, K nhất trí mua với giá 6.000.000đ, sau đó K điều khiển xe sang nước CHDCND Lào bán cho một người tên là Mg bán được 7.000.000đ, được tiền K trả cho T 6.000.000đ, K được hưởng lợi 1.000.000đ, T cầm 6.000.000đ và chia cho Q 3.000.000đ.

Kết quả định giá tài sản xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu loại Wave Alpha màu xanh – đen – bạc BKS 26C1 – 157.72 của chị Hà Thị B4 trị giá 14.670.000đ.

Vụ thứ 7:

Khoảng 10 giờ ngày 10/12/2019 Q điều khiển xe mô tô chở T từ nhà T đến bản Kh, H, huyện S để tìm mua ma túy sử dụng, khi đi đến bản T9, H nhìn thấy một xe mô tô Exciter BKS 26C1 – 193.84 của anh Vạ A C2 đang dựng cửa một ngôi nhà tại ổ khóa xe có cắm chìa khóa, T và Q nảy sinh ý định lấy trộm, khi đi qua vị trí dựng xe, T thấy có người ở trong nhà nên nói với Q để sau quay lại, Q và T tiếp tục đi đến bản Khua Họ, H5 vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết F2 mua ma túy rồi cùng nhau đi vào rừng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Q chở T đi về thì vẫn thấy xe Exciter trên đang dựng ở vị trí cũ, Q đi qua khoảng 30 mét thì dừng xe lại, sau đó T đi bộ đến dắt xe rồi T điều khiển xe cùng Q đi đến đường biên giới thuộc bản Huổi, xã M rồi dừng xe gần một lán nương, T gọi điện thoại cho K F2 bán xe nhưng K đang đi làm xa không về được, vì trước đây Lường Văn Đ, trú tại bản Huổi, M (là cháu của K có đến nhà K chơi nói muốn mua một xe mô tô cũ để sử dụng chở ngô, sắn) nên K nói với T sẽ gửi số của Đ cho T F2 xem Đ có mua không, sau đó T gọi điện thoại cho Đ F2 bán xe, khoảng một lúc sau Đ điều khiển xe mô tô chở Cầm Văn Đ1 (con trai của K) đến gặp T tại đoạn đường biên giới thuộc bản Huổi, xã M, Đ xem xe xong thấy xe còn mới, có biển số và trên ổ khóa xe không bị cạy phá gì nên Đ đồng ý mua với giá 15.000.000đ. Quá trình mua bán T không nói cho Đ biết là xe do trộm cắp mà có, mà nói là xe của gia đình đã bị mất giấy tờ. Sau

khi bán được xe, T chia cho Q 3.000.000đ. Ngày 03/01/2020 Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Hiện chiếc xe đã được trả cho anh Vạ A C2 quản lý và sử dụng.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định chiếc xe mô tô Exciter BKS 26C1 – 131.84 của anh Vạ A C2 trị giá 37.500.000đ.

Vụ thứ 8:

Khoảng 17 giờ ngày 14/12/2019 T gọi điện thoại cho Q rủ đi tìm xe lấy trộm. Sau đó Q điều khiển xe đến chỗ T, khi cả hai đi đến khu vực tổ dân phố 4 thị trấn S thì T nhìn thấy một xe mô tô Wave Alpha BKS 26C1 – 081.13 của ông Lường Văn V dựng trước cổng nhà, T bảo Q đi vào ngõ qua vị trí dựng xe khoảng 04 mét T xuống xe đi bộ lại gần quan sát thấy xe không có chìa khóa, xung quanh không có ai, T lấy một chìa khóa loại chìa xe Wave Alpha mà T mang theo người từ trước cắm vào ổ khóa thì mở được khóa xe, T dắt xe ra rồi điều khiển xe qua đi chỗ Q, Q theo sau, cả hai đi đến bản Huổi, xã M mang sang nước CHDCND Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 5.000.000đ, T chia cho Q 2.500.000đ.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định xe mô tô BKS 26C1 – 081.13 của ông Lường Văn V trị giá 13.500.000đ.

Vụ thứ 9:

Khoảng 09 giờ ngày 15/12/2019 sau khi nhận được điện thoại của T rủ đi trộm cắp tài sản, Q điều khiển xe mô tô đến nhà chỗ T. Khi cả hai đi đến đoạn đường thuộc bản TH, xã N1 thì nhìn thấy một xe mô tô loại Wave Alpha BKS 89H3 – 5084 của anh Lường Tùng Q1 cho anh Trần Hữu T1 mượn sử dụng đang dựng tại hiên nhà, tại ổ khóa xe có cắm chìa khóa, Q đi chậm lại để T nhảy xuống xe rồi đi bộ vào dắt xe ra đường và nổ máy điều khiển xe đi đến bản Huổi, M, Q đi theo sau. Trên đường đi T dừng xe tháo biển kiểm soát xe ra vứt đi. Sau đó cả hai mang xe sang Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 5.000.000đ, T chia cho Q 2.500.000đ.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định chiếc xe Wave Alpha BKS 89H3 – 5084 của anh Lương Tùng Q1 trị giá 3.330.000đ.

Vụ thứ 10:

Khoảng 16 giờ, ngày 26/12/2019 Q đến đón T tại cầu thuộc bản Đứa, C, S rồi đi theo đường Quốc lộ 12 đến Quốc lộ 4G hướng đến huyện SC, tỉnh Sơn La, khi đi đến bản H4, xã H5 thì T nhìn thấy một xe mô tô loại Wave Alpha BKS 26C1 – 179.27 của anh Lò Văn T3 đang dựng dưới gầm sàn nhà, T bảo Q đi chậm lại để nhảy xuống xe, còn Q điều khiển xe đi qua khoảng 20 mét thì dừng xe lại để cảnh giới, T đi bộ đến chỗ xe dựng thấy chìa vẫn cắm ổ khóa xe, T dắt xe ra đường rồi ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe đi trước Q đi theo sau, trên đường đi T dừng xe và tháo biển kiểm soát xe ra ném đi, sau đó cả hai mang xe sang Lào bán cho một người đàn ông không quen biết được 6.000.000đ, T chia cho Q 3.000.000đ.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định chiếc xe mô tô Wave Alpha BKS 26C1 – 179.27 của Lò Văn T3 trị giá 14.670.000đ.

Vụ thứ 11:

Khoảng 17 giờ ngày 31/12/2019 Cà Văn Q điều khiển xe mô tô BKS 26F4-4558 từ nhà đến đón Lương Văn T tại khu vực bản Công, xã C, huyện S, sau đó cả hai đi đến xã L để tìm xe ăn trộm. Khi đi đến khu vực bản V, xã Y2 thì thấy 01 xe mô tô loại Exciter 150, nhãn hiệu Yamaha, màu Xanh – Đen, Biển kiểm soát 26C1 – 193.84 của anh Nông Quốc X đang dựng tại sân nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe, Q điều khiển xe đi qua cổng khoảng 10 mét, quan sát thấy không có người nên T xuống xe đi bộ vào dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển xe đi đến bản Huổi, M, còn Q điều khiển xe đi theo sau. Khi Q đi đến đoạn đường thuộc bản CN, N1, huyện S thì bị cơ quan điều tra triệu tập lấy lời khai Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình cùng với Lương Văn T. Còn T mang xe sang nước CHDCND Lào bán cho một người đàn ông

tên là Ch được 7.000.000đ rồi đi bộ về nhà, sau đó biết Q bị bắt nên T đã bỏ trốn.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S xác định xe Exciter 150, nhãn hiệu Yamaha, màu Xanh – Đen, BKS 26C1 – 131.84 của anh Nông Quốc X trị giá 25.330.000đ.

Như vậy, Lường Văn T và Cà Văn Q đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 11 chiếc xe mô tô có tổng trị giá là 183.850.000đ.

Bị cáo Cầm Văn K biết chiếc xe Wave Alpha BKS 26B2 – 037.22 và xe mô tô Wave Alpha màu xanh – đen – bạc BKS 26C1 – 157.72, có tổng trị giá là 25.970.000đ do T và Q trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua với giá rẻ rồi mang bán cho người khác để được hưởng lợi 2.000.000đ.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử các bị cáo Lường Văn T, Cà Văn Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Cầm Văn K phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lường Văn T, Cà Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản; Cầm Văn K phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Lường Văn T từ 06 – 07 năm tù; Cà Văn Q từ 06 – 07 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Cầm Văn K 24 – 30 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Vạ A C2, chị Lò Thị F đã được nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu đề nghị các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

+ Chấp nhận tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Văn Đ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000đ đã mua xe mô tô do các bị cáo trộm cắp đem bán cho mình; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chăm Văn F2 không đề nghị bị cáo Chăm Văn K phải bồi X số tiền 2.000.000đ đã nộp để khắc phục hậu quả thay bị cáo K.

+ Buộc các bị cáo T, Q phải liên đới bồi thường theo phần cho người bị hại: Vì Văn B số tiền là 18.000.000đ; Người bị hại Tòng Văn C số tiền là 12.170.000đ; Người bị hại Lường Văn V số tiền là 18.000.000đ; Người bị hại Vì Văn T1 số tiền là 13.000.000đ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị B4 số tiền là 14.670.000đ; Người bị hại Lường Văn V số tiền là 14.000.000đ; Người bị hại Trần Hữu T1 số tiền là 3.330.000đ; Người bị hại Lò Văn T3 số tiền là 15.000.000đ; Người bị hại Nông Quốc X số tiền là 30.000.000đ.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu sung công số tiền 2.000.000đ, 01 điện thoại di động;

+ Trả lại: 01 xe mô tô loại Wave Blade nhãn hiệu HONDA màu đỏ đen, BKS 34B2- 117.21 cho bị cáo Chăm Văn K; 01 xe mô tô loại Wave Blade nhãn hiệu HONDA màu đỏ đen, BKS 26F4- 4558 cho người liên quan ông Cà Văn T6.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 26C1- 179.27.

Buộc các bị cáo Chăm Văn K, Lường Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo Cà Văn Q và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét F2, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh:

Các bị cáo có quen biết nhau khi đi cai nghiện bắt buộc từ tháng 9/2017. Sau khi hết thời gian cai nghiện bắt buộc trở về địa phương Lương Văn T đã đến tìm Cầm Văn K và hỏi được chỗ tiêu thụ xe bên nước CHDCND Lào, sau khi biết có chỗ tiêu thụ xe T đã rủ Q cùng đi thực hiện hành vi trộm cắp nhiều xe mô tô về bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy về sử dụng; Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 các bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, lợi dụng đêm tối đã cùng nhau lén lút thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản là 11 chiếc xe mô tô của nhiều người bị hạ idem bán và được hưởng lợi với tổng số tiền là 64.000.000đ, trong đó bị cáo Lương Văn T được hưởng lợi 40.100.000đ, bị cáo Cà Văn Q được hưởng lợi 23.900.000đ. Bị cáo Cầm Văn K biết rõ 02 chiếc xe mô tô có BKS 26B2- 037.22 và 26C1- 157.72 mà mình mua của bị cáo T và Q là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi vẫn mua rẻ và bán lại và được hưởng lợi là 2.000.000đ,

Theo các kết quả định giá những chiếc xe mô tô mà các bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q đã chiếm đoạt có tổng giá trị là 183.850.000đ. Theo kết quả định

giá 02 chiếc xe mô tô BKS 26B2- 037.22 và 26C1- 157.72 mà bị cáo Cẩm Văn K đã tiêu thụ có tổng trị giá là 26.840.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác như: Các kết quả định giá tài sản số 07 ngày 08/01/2020, số 09 ngày 30/01/2020, số 11 ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/01/2020, biên bản thực nghiệm điều tra ngày 24/3/2020 tại bản V - xã Y2 - huyện S; Biên bản bắt người đang bị truy nã ngày 13/3/2020 đối với Lương Văn T và các đồ vật, chứng cứ đã thu giữ được trong vụ án.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố các bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Cẩm Văn K về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật;

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q đã cùng nhau có hành vi trộm cắp tài sản là 11 chiếc xe mô tô có tổng trị giá là 183.850.000đ. Bị cáo Cẩm Văn K biết rõ 2 chiếc xe mô tô do bị cáo T, Q đem đến bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua lại với giá rẻ rồi mang bán lại cho người khác và được hưởng lợi 2.000.000đ, 02 chiếc xe mô tô bị cáo K đã mua theo kết quả định giá có tổng trị giá 26.840.000đ.

Hành vi của bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*” khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự,

có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo Chăm Văn K đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Chăm Văn K đã tác động gia đình nộp lại số tiền được hưởng lợi do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo T và Q đã thực hiện hành vi trộm cắp đối với 11 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo K đã thực hiện 02 vụ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, mỗi vụ các bị cáo thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của các bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g “*phạm tội 02 lần trở lên*” khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội, mức độ nghiêm trọng của hành vi:

[4.1] Về tính chất của hành vi phạm tội: Bị cáo Lương Văn T và Cà Văn Q phạm tội là đồng phạm với nhau. Trong đó, bị cáo Lương Văn T là người chủ mưu, rủ rê, khởi xướng, tìm chỗ để tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có đồng thời là người trực tiếp thực hành hành vi phạm tội, được hưởng lợi nhiều nhất nên giữ vai trò chính trong vụ án; Bên cạnh đó sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo Lương Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt theo lệnh truy nã, việc bị cáo bỏ trốn đã gây khó khăn cho công tác điều tra và giải quyết vụ án;

Tiếp nhận ý chí từ bị cáo T, bị cáo Cà Văn Q đã cùng bị cáo T đi tìm xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp, và đứng canh giới, rồi cùng bị cáo T đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ nên giữ vai trò là đồng phạm tích cực. Bị cáo Cà Văn K phạm tội độc lập.

[4.2] Về mức độ nghiêm trọng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt để bán có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy về sử dụng. Hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

Bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, sau khi hết thời gian chữa trị cai nghiện trở về địa phương không tu chí làm ăn lương thiện mà lại thực hiện hành vi phạm tội, trong một khoảng thời gian ngắn đã liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô làm ảnh hưởng đến tình hình trị an của địa phương. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, quá trình điều tra, giải quyết vụ án các bị cáo T, Q vẫn chưa bồi thường một phần nào cho những người bị hại đã gây ra sự hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân, tạo dư luận xấu trong xã hội. Ngoài ra, bị cáo Lương Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm cùng loại, thể hiện khả năng khó giáo dục, cải tạo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần T3 phải cách ly các bị cáo T, Q ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có một mức án nghiêm khắc để các bị cáo có đủ thời gian cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của bản thân trở thành người có ích cho xã hội, cũng vừa để đảm bảo biện pháp răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Cà Văn K căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo biện pháp giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:

Các bị cáo đều là các đối tượng nghiện ma túy, gia đình có X cảnh khó khăn, bản thân bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Chăm Văn K.

[6] Về các vấn đề và đối tượng liên quan khác trong vụ án:

Đối với Lương Văn Đ đã mua 01 xe mô tô Exciter 150 BKS 26C1 – 193.84 của T và Q ngày 10/12/2019, quá trình mua bán Đ không biết là tài sản do phạm tội mà có, sau khi vụ án bị phát hiện Đ đã tự nguyện giao nộp xe mô tô cho cơ quan điều tra nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông tên là M và Ch các bị cáo khai đã mua 02 chiếc xe mô tô BKS 26B2- 037.22 và 26C1- 157.72, các bị cáo khai đều trú tại bản R3, cụm NC, huyện E, Hủa Phăn, nước CHDCND Lào. Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã có công văn tương trợ tư pháp đến Công an huyện E, Hủa Phăn, CHDCND Lào nhưng cho đến nay không có công văn trả lời của Công an huyện E, Hủa Phăn, Lào. Những chiếc xe mô tô trộm cắp mà các bị cáo T, Q khai đã mang sang nước CHDCND Lào bán cho những người không quen biết, không có địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xác minh mở rộng vụ án và thu giữ vật chứng, cần chấp nhận.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho T và Q ngày 10/12/2019 ở khu vực bản T9, xã H, huyện S, do T và Q không biết tên tuổi địa chỉ của người này nên không có căn cứ để điều tra xử lý, cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Vạ A C2 và Lò Thị F đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác; Người liên quan Chăm Văn F2 đã nộp tiền khắc phục hậu quả là 2.000.000đ thay cho bị cáo Chăm Văn K và không yêu cầu bị cáo K phải bồi X lại số tiền trên; Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn Đ không yêu cầu các bị cáo T, Q phải bồi thường số tiền 15.000.000đ đã bỏ ra để mua xe, người bị hại Hà Văn H1 và người liên quan Hà Thị B4 thống nhất yêu cầu bị cáo T, Q bồi thường cho người liên quan Hà Thị B4 giá trị xe bị mất, các bị cáo nhất trí. Xét những thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với người bị hại Trần Hữu T1 mượn xe mô tô BKS 26C1- 157.72 của người liên quan Lương Tùng Q1 và bị mất không thu hồi được nên phải có trách nhiệm bồi thường trị giá xe cho người liên quan Lương Tùng Q1 là 3.300.000đ.

Những người bị hại yêu cầu các bị cáo **Lường Văn T**, **Cà Văn Q** phải liên đới bồi thường số tiền do tài sản bị mất không thu hồi được và tiền công truy tìm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của những người bị hại là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc các bị cáo **T**, **Q** phải liên đới bồi thường theo phân; Cụ thể số tiền các bị hại yêu cầu như sau:

- Người bị hại **Vì Văn B** yêu cầu bồi thường số tiền là 18.000.000đ; Bao gồm 17.670.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được và 330.000đ tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Tòng Văn Cg** yêu cầu bồi thường số tiền là 12.170.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được, không yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Lường Văn V** yêu cầu bồi thường 18.000.000đ; Bao gồm 17.580.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được và 420.000đ tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Vì Văn T1** yêu cầu bồi thường số tiền là 13.000.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được, không yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm;
- Người có quyền nghĩa vụ liên quan **Hà Thị B4** yêu cầu bồi thường số tiền là 14.670.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được, không yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Lường Văn V** yêu cầu bồi thường 14.000.000đ; Bao gồm 13.500.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được và 500.000đ tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Trần Hữu T1** yêu cầu bồi thường 3.330.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được, không yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm;
- Người bị hại **Lò Văn T3** yêu cầu bồi thường 14.670.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được, không yêu cầu bồi thường tiền công truy tìm.

- Do được hưởng lợi một mình từ tiền bán xe mô tô BKS 26C1- 131.84 nên bị cáo Lương Văn T phải bồi thường toàn bộ cho người bị hại **Nông Quốc X** số tiền là 30.000.000đ, bao gồm 25.330.000đ trị giá xe bị mất không thu hồi được và 4.670.000đ bồi thường tiền công truy tìm.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của bị cáo Lương Văn T là tài sản dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công;

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 34B2 – 117.21 là tài sản của bị cáo Cầm Văn K không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 26F4 – 4558 là tài sản của ông Cà Văn T6, khi các bị cáo dùng vào việc phạm tội ông Thanh không biết, tại phiên tòa ông T6 có đề nghị được trả lại chiếc xe, nên cần chấp nhận.

Đối với 01 BKS 26C1 – 179.27 của người bị hại Lò Văn T3, là tài sản không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Cà Văn Q gia đình thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí. Bị cáo Cầm Văn K, Lương Văn T phải chịu án phí theo quy định. Người bị hại Trần Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Cà Văn Q phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T 06 năm 06 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2020

- Xử phạt bị cáo Cà Văn Q 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Cầm Văn K phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Xử phạt bị cáo Cầm Văn K 24 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 02 tháng 22 ngày tạm giam = 08 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành tiếp 15 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện S nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Cầm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Cầm Văn K.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 494, khoản 4 Điều 496, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự

- Buộc bị cáo Lường Văn T và Cà Văn Q phải liên đới bồi thường theo phần cho những người bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

+ Buộc bị cáo Lường Văn T phải bồi thường cho:

- Người bị hại Vì Văn B số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).
- Người bị hại Tòng Văn C số tiền là 6.170.000đ (sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Người bị hại Lường Văn V số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).
- Người bị hại Vì Văn T1 số tiền là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Người liên quan Hà Thị B4 số tiền là 7.335.000đ (bảy triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng).
- Người bị hại Lường Văn V số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).
- Người bị hại Trần Hữu T1 số tiền là 1.665.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng).
- Người bị hại Lò Văn T3 số tiền là 7.335.000đ (bảy triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng);
- Người bị hại Nông Quốc X số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Cà Văn Q phải bồi thường cho:

- Người bị hại Vi Văn B số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng);
- Người bị hại Tòng Văn C số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Người bị hại Lường Văn V số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng);
- Người bị hại Vi Văn T1 số tiền là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng);
- Người liên quan Hà Thị B4 số tiền là 7.335.000đ (bảy triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng);
- Người bị hại Lường Văn V số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- Người bị hại Trần Hữu T1 số tiền là 1.665.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng).
- Người bị hại Lò Văn T3 số tiền là 7.335.000đ (bảy triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng);

- Buộc người bị hại Trần Hữu T1 phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Tùng Q1 số tiền là 3.330.000đ.

- Chấp nhận người liên quan Lường Văn Đ, Cà Văn F1, người bị hại Lò Thị F, Vạ A C2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đen, số IMEI1: 358625101730945, số IMEI2: 3586251011730952 của bị cáo Lương Văn T.

+ Số tiền 2.000.000đ được đựng trong 01 phong bì màu trắng của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, được dán kín, niêm phong theo quy định. Trên phần giấy niêm phong có mã số 037608 cùng 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

- Trả lại:

+ 01 chiếc xe mô tô BKS 34B2 – 117.21 , số khung KLHJA3617EY106084, số máy JA36E0170851, xe đã hỏng nhiều chỗ và qua sử dụng cho bị cáo Chăm Văn K.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA, màu đen, BKS 26F4 – 4558, số khung: RLHHC12078Y051697, số máy: HC12E – 0096014, xe đã hỏng nhiều chỗ và qua sử dụng cho người liên quan Cà Văn T6

- Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 26C1 – 179.27.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Chăm Văn K phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Lương Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.200.250đ (bốn triệu hai trăm nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Buộc Trần Hữu T1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2020). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp quyết định về bồi thường dân sự này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

Nơi nhận: - TAND Tỉnh; - VKSND Tỉnh; - VKSND huyện - Công an huyện; - Trại giam; - THA hình sự ; - CCTHA Dân sự; - Sở TP; - Bị cáo: - Người bị hại; - Người có QLVNLQ; - Lưu hồ sơ, án văn.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA Hoàng Thị Nhung
--	--